

MỤC TIÊU

- Củng cố kiến thức về lịch sử thế giới từ 1945 - 2000 và lịch sử Việt Nam từ cuối thế kỉ XIX - 1954.
- Rèn luyện các kĩ năng giải thích, phân tích, đánh giá, liên hệ các sự kiện, vấn đề lịch sử thông qua luyện tập các dạng câu hỏi từ cơ bản đến nâng cao.

Tổng số câu	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
40 câu	20	9	10	1

Câu 1: Quân lệnh số 1 của Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc có viết: "Hỡi quốc dân đồng bào ... Phát xít Nhật đã đầu hàng Đồng minh, quân Nhật đã bị tan rã tại khắp các mặt trận, kẻ thù chúng ta đã ngã gục ..." Đoạn trích trên cho biết

- A. Cách mạng tháng Tám đã thành công.
- B. Thời cơ cách mạng đã chín muồi.
- C. Thời cơ cách mạng đang đến gần.
- D. Thời kì tiền khởi nghĩa đã bắt đầu.

Câu 2: Đầu 1950, Mỹ từng bước can thiệp sâu và dính líu trực tiếp vào chiến tranh Đông Dương chứng tỏ

- A. cuộc chiến tranh Đông Dương có tính chất của cuộc Chiến tranh lạnh.
- B. nhân dân Đông Dương giờ đây chỉ tập trung đối phó với Mỹ.
- C. Mỹ sẽ thay thế Pháp tại chiến trường Đông Dương.
- D. Mỹ chỉ muốn hỗ trợ Pháp trong chiến tranh Đông Dương.

Câu 3: Nội dung cơ bản của bản Tạm ước Việt - Pháp (14-9-1946) là:

- A. Nhượng cho Pháp một số quyền lợi chính trị.
- B. Ta nhượng bộ thêm cho Pháp một số quyền lợi kinh tế - văn hoá ở Việt Nam.
- C. Pháp công nhận Việt Nam có chính phủ tự trị nằm trong khối Liên Hiệp Pháp.
- D. Ngừng bắn ngay ở Nam Bộ.

Câu 4: Lực lượng tham gia phong trào cách mạng 1930-1931 chủ yếu là

- A. toàn thể dân tộc Việt Nam.
- B. công nhân, nông dân, tiểu tư sản.
- C. công nhân và nông dân.
- D. công nhân, nông dân, tư sản.

Câu 5: Thành quả quan trọng nhất của những ngày toàn quốc kháng chiến chống Pháp ở Hà Nội là gì?

- A. Phá hủy nhiều kho tàng của thực dân Pháp.
- B. Giải phóng được thủ đô Hà Nội.
- C. Giam chân địch trong thành phố để ta chuẩn bị lực lượng kháng chiến.
- D. Tiêu diệt toàn bộ quân Pháp ở thủ đô Hà Nội.

Câu 6: Nguyên nhân quan trọng nhất làm nên thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945

- A. dân tộc ta có truyền thống yêu nước.
- B. Nhật đầu hàng Đồng minh không điều kiện.
- C. do sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương và quá trình chuẩn bị lực lượng trong 15 năm.

D. thắng lợi của phe Đồng minh trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít.

Câu 7: “Dù phải hy sinh tới đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập” là chỉ đạo của chủ tịch Hồ Chí Minh trong sự kiện nào?

- A. Tết Mậu Thân 1968.
- B. Tổng tiến công và nổi dậy 1975.
- C. chiến dịch Điện Biên Phủ 1954.
- D. Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945.

Câu 8: Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 8 (5/1941) có tầm quan trọng đặc biệt đối với cách mạng tháng Tám 1945 vì

- A. Giải quyết được vấn đề ruộng đất cho nông dân.
- B. củng cố được khối đoàn kết toàn dân.
- C. Hoàn chỉnh chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng Cộng sản Đông Dương.
- D. Chủ trương giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc.

Câu 9: Điểm mới trong xác định kẻ thù của cách mạng Việt Nam giai đoạn 1951 - 1953 so với giai đoạn 1946-1950 là gì?

- A. Chống thực dân Pháp và can thiệp Mĩ.
- B. Chống thực dân Pháp và phong kiến.
- C. Thực dân Pháp và các đảng phái phản động.
- D. Chống thực dân Pháp và tay sai.

Câu 10: Việc ký kết Hiệp định Sơ bộ 6-3-1946 đã thể hiện

- A. sự nhượng bộ của ta trong việc ký kết hiệp định.
- B. sự thỏa hiệp của Đảng và Chính phủ ta.
- C. vai trò lãnh đạo sáng suốt của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh.
- D. sự hạn chế trong lãnh đạo của Đảng.

Câu 11: Sự kiện nào dưới đây kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp của dân tộc Việt Nam (1945 - 1954)

- A. Cuộc tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953 1954.
- B. Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương được ký kết (7 - 1954).
- C. Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954.
- D. Chiến dịch Biên giới thu - đông năm 1950.

Câu 12: Nội dung cơ bản của đường lối kháng chiến chống Pháp xâm lược (1945-1954) là

- A. tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.
- B. toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh và tranh thủ ủng hộ quốc tế.
- C. toàn diện, tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.
- D. trường kì, tự lực cánh sinh và tranh thủ ủng hộ của quốc tế.

Câu 13: Nội dung nào cho thấy Đảng đã vận dụng sáng tạo quan điểm bạo lực cách mạng trong cách mạng tháng Tám 1945?

- A. giành chính quyền ở đô thị trước, sau đó tỏa ra các vùng nông thôn để cướp chính quyền.
- B. dùng đấu tranh vũ trang giành chính quyền, sau đó dùng biện pháp chính trị để trấn áp kẻ thù.
- C. dùng đấu tranh chính trị trước, sau đó mới dùng vũ trang làm đòn giáng quyết định giành chính quyền.
- D. khởi nghĩa từng phần cho đến khi giành chính quyền trên cả nước.

Câu 14: Phong trào cách mạng 1930 – 1931 không sử dụng hình thức đấu tranh nào sau đây?

- A. Khởi nghĩa vũ trang.
- B. Biểu tình có vũ trang.
- C. Biểu tình thị uy.
- D. Đấu tranh đòi các quyền tự do, dân sinh, dân chủ.

- Câu 15:** Mĩ kí với Bảo Đại Hiệp ước hợp tác kinh tế Việt-Mĩ (9 - 1951) vì lí do chủ yếu nào dưới đây?
- A. Can thiệp vào Đông Dương về kinh tế. B. Ràng buộc Chính phủ Bảo Đại vào Mĩ.
C. Củng cố vị thế của Mĩ ở Đông Dương. D. Củng cố chính quyền Bảo Đại.
- Câu 16:** Yếu tố cơ bản nào sau đây đã đưa cách mạng Việt Nam vượt qua khó khăn sau Cách mạng tháng Tám 1945?
- A. Tinh thần đoàn kết toàn dân. B. Sự ủng hộ của bạn bè quốc tế.
C. Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng. D. Truyền thống yêu nước của dân tộc.
- Câu 17:** Yếu tố nào dưới đây **không** phản ánh bước phát triển cao hơn của chiến dịch Biên giới 1950 so với chiến dịch Việt Bắc 1947?
- A. Phương thức tác chiến đa dạng.
B. Ta chủ động mở chiến dịch.
C. Ta giành quyền chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ.
D. Pháp buộc phải chuyển sang đánh lâu dài với ta.
- Câu 18:** Nét nổi bật của tình hình kinh tế Việt Nam trong những năm 1936 - 1939 là:
- A. Là giai đoạn phục hồi và phát triển của nền kinh tế Việt Nam nhưng đời sống của nhân dân vẫn rất khó khăn.
B. Kinh tế phục hồi và phát triển nhưng vẫn lạc hậu và lệ thuộc vào kinh tế Pháp.
C. Kinh tế tiếp tục khủng hoảng, mâu thuẫn xã hội hết sức gay gắt.
D. Đời sống của đa số nhân dân khó khăn, cực khổ.
- Câu 19:** Việc ký kết Hiệp định Sơ bộ (6-3-1946) của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã chứng tỏ điều gì?
- A. Sự nhân nhượng của lực lượng cách mạng.
B. Sự thắng lợi của Pháp trên mặt trận ngoại giao.
C. Cứng rắn về nguyên tắc, mềm dẻo về sách lược.
D. Sự thỏa hiệp của Pháp đối với Chính phủ ta.
- Câu 20:** Nội dung cơ bản nhất của Hiệp định Giơnevơ năm 1954 là
- A. hiệp định cấm đưa quân đội và vũ khí nước ngoài vào các nước Đông Dương.
B. các nước tham dự Hội nghị cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của ba nước Đông Dương.
C. các bên tham chiến thực hiện ngừng bắn, lập lại hòa bình trên toàn Đông Dương.
D. các bên tham chiến thực hiện cuộc tập kết, chuyển quân, chuyển giao khu vực
- Câu 21:** Đảng ta đã phát động cuộc kháng chiến toàn quốc chống Pháp xuất phát từ lí do chủ yếu nào dưới đây?
- A. Nền độc lập chủ quyền nước ta bị đe dọa nghiêm trọng.
B. Pháp khiêu khích tạ ở Hà Nội.
C. Pháp không thực hiện Hiệp định Sơ bộ 6-3-1946 và Tạm ước 14-9-1946.
D. Chúng ta muốn hòa bình xây dựng đất nước.
- Câu 22:** Tác động của Hiệp định Giơnevơ đối với cách mạng Việt Nam là
- A. cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân hoàn thành trong cả nước.
B. chế độ phong kiến Việt Nam sụp đổ hoàn toàn.
C. Mĩ không còn can thiệp vào Việt Nam.
D. Pháp buộc phải chấm dứt chiến tranh xâm lược, rút hết quân về nước.

- Câu 23:** Điểm tương đồng và cũng là quyết định quan trọng nhất của Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng tháng 9/1939 và tháng 5/1941 là
- A. Đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu, các nhiệm vụ khác tạm thời gác lại.
 - B. Thành lập chính phủ dân chủ cộng hòa thay cho chính quyền Xô viết.
 - C. Tạm gác khẩu hiệu “Cách mạng ruộng đất tập trung vào giải phóng dân tộc”.
 - D. Thay đổi hình thức mặt trận dân tộc thống nhất để giải quyết nhiệm vụ dân tộc.
- Câu 24:** Nguyên tắc cơ bản của Việt Nam trong việc ký kết Hiệp định Sơ bộ (6-3-1946) và Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương (21-7-1954) là
- A. đảm bảo giành thắng lợi từng bước.
 - B. phân hóa và cô lập cao độ kẻ thù.
 - C. giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng.
 - D. không vi phạm chủ quyền dân tộc.
- Câu 25:** Phong trào đấu tranh công khai rộng lớn của quần chúng trong phong trào 1936 - 1939 mở đầu bằng sự kiện nào?
- A. Triệu tập Đông Dương Đại hội.
 - B. Thành lập các Ủy ban hành động ở nhiều địa phương.
 - C. Vận động thành lập Ủy ban trù bị Đông Dương Đại hội.
 - D. Đón phái viên của Chính phủ Pháp sang Đông Dương.
- Câu 26:** Khôi liên minh công-nông được hình thành từ phong trào nào?
- A. Từ phong trào cách mạng 1930-1931.
 - B. Từ phong trào dân chủ 1936-1939.
 - C. Từ phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh.
 - D. Từ phong trào dân tộc dân chủ 1925-1930.
- Câu 27:** Vai trò của Mỹ trong cuộc chiến tranh Đông Dương được thể hiện qua kế hoạch Rơ-ve như thế nào?
- A. Không can thiệp vào Đông Dương.
 - B. Hát căng Pháp độc chiếm Đông Dương.
 - C. Can thiệp sâu vào cuộc chiến tranh ở Đông Dương.
 - D. Bắt đầu trực tiếp xâm lược vào Đông Dương.
- Câu 28:** Hiệp định Giơnevơ là văn bản pháp lý quốc tế ghi nhận những quyền gì cho các nước Đông Dương?
- A. Quyền được hưởng độc lập, tự do.
 - B. Các quyền dân tộc cơ bản.
 - C. Quyền tổ chức Tổng tuyển cử tự do.
 - D. Quyền chuyển quân tập kết theo giới tuyến quân sự tạm thời.
- Câu 29:** Văn kiện nào được thông qua tại Hội nghị lần thứ nhất Ban chấp hành Trung ương lâm thời Đảng Cộng sản Việt Nam (10/1930)?
- A. Báo cáo chính trị.
 - B. Cương lĩnh chính trị đầu tiên.
 - C. Nghị quyết chính trị, Điều lệ Đảng.
 - D. Luận cương chính trị.
- Câu 30:** Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (tháng 5/1941) xác định hình thái cuộc khởi nghĩa giành chính quyền nước ta là
- A. đi từ khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa.
 - B. kết hợp đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang.
 - C. đi từ đấu tranh chính trị tiến lên khởi nghĩa vũ trang.
 - D. khởi nghĩa từng phần kết hợp với tổng khởi nghĩa
- Câu 31:** Qua phong trào 1936 - 1939, Đảng thấy được những hạn chế của mình về
- A. tổ chức đấu tranh công khai, hợp pháp.
 - B. xây dựng liên minh công - nông.

C. giành và giữ chính quyền.

D. công tác mặt trận, vấn đề dân tộc.

Câu 32: Chiến thắng nào dưới đây của ta đã làm thất bại hoàn toàn âm mưu đánh nhanh thắng nhanh của Pháp?

A. Chiến cuộc Đông Xuân 1953-1954.

B. Chiến dịch Biên giới thu- đông năm 1950.

C. Chiến dịch Việt Bắc thu- đông năm 1947.

D. Chiến dịch Điện Biên Phủ 1954.

Câu 33: Phong trào cách mạng 1930 - 1931 đã khẳng định nhân tố đầu tiên đảm bảo thắng lợi cho cách mạng giải phóng dân tộc là

A. Đảng của giai cấp công nhân với đường lối cách mạng vô sản.

B. đoàn kết giữa các dân tộc đấu tranh theo con đường vô sản.

C. có chính quyền cách mạng và sự giúp đỡ của quốc tế.

D. phải có một chính quyền nhà nước của dân, do dân, vì dân.

Câu 34: Bộ Chính trị Trung ương Đảng quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ nhằm

A. tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng vùng Tây Bắc, tạo điều kiện giải phóng Hạ Lào.

B. tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng vùng Tây Bắc, tạo điều kiện giải phóng Bắc Lào.

C. tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng vùng Tây Bắc, tạo điều kiện giải phóng Thượng Lào.

D. tiêu diệt sinh lực địch, tạo điều kiện giải phóng Bắc Lào.

Câu 35: Khó khăn lớn nhất mà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa phải đối mặt sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 là gì?

A. Ngoại xâm và nội phản.

B. Nạn đói đe dọa nghiêm trọng cuộc sống của nhân dân ta.

C. Ngân quỹ nhà nước trống rỗng.

D. Hơn 90% dân số mù chữ.

Câu 36: Năm 1930, Nghệ - Tĩnh là nơi có phong trào cách mạng phát triển mạnh nhất vì:

A. là nơi có truyền thống đấu tranh anh dũng chống giặc ngoại xâm và là nơi có chi bộ Đảng hoạt động mạnh.

B. là quê hương của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc.

C. là nơi thực dân Pháp khủng bố tàn khốc nhất.

D. là nơi có đội ngũ cán bộ đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam đông nhất.

Câu 37: Hội nghị lần 6 (11 - 1939) của Ban chấp hành Trung ương Đảng đã xác định nhiệm vụ hàng đầu trước mắt của cách mạng Đông Dương lúc này là gì?

A. Đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp lên hàng đầu.

B. Đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu và cấp bách.

C. Chống chủ nghĩa phát xít và chống chiến tranh.

D. Tất cả các nhiệm vụ trên.

Câu 38: Để giải quyết nạn đói trước mắt sau Cách mạng tháng Tám, Đảng Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có biện pháp gì dưới đây?

A. Cấm dùng gạo, ngô để nấu rượu.

B. Kêu gọi sự cứu trợ của thế giới.

C. Tịch thu gạo của người giàu chia cho người nghèo.

D. Nhường cơm sẻ áo, hũ gạo cứu đói.

Câu 39: Mục tiêu nào dưới đây là cơ bản nhất trong kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi (1950)?

- A. Củng cố cho chính quyền thực dân Pháp ở Đông Dương.
- B. Tiêu diệt nhanh chóng quân chủ lực của ta.
- C. Giữ vững thế chủ động của Pháp trên chiến trường Đông Dương.
- D. Mong muốn kết thúc cuộc chiến ở Đông Dương.

Câu 40: Bước vào Đông Xuân 1953 - 1954, âm mưu của Pháp - Mĩ ở Đông Dương là

- A. giành thắng lợi quân sự để nâng cao vị thế của nước Pháp trên thế giới.
- B. giành lấy thắng lợi quân sự để tiếp tục cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương.
- C. giành lại quyền chủ động chiến lược trên chiến trường chính Bắc Bộ.
- D. giành một thắng lợi quyết định để “kết thúc chiến tranh trong danh dự”.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

1.B	2.C	3.B	4.C	5.C	6.C	7.D	8.C	9.A	10.C
11.B	12.B	13.D	14.D	15.B	16.C	17.D	18.B	19.C	20.B
21.A	22.D	23.A	24.D	25.B	26.A	27.C	28.B	29.D	30.A
31.D	32.C	33.A	34.B	35.A	36.A	37.B	38.D	39.D	40.D

Câu 1 (TH):

Phương pháp: Suy luận, loại trừ phương án.

Cách giải:

-A loại vì lúc này Cách mạng tháng Tám chưa diễn ra.

-B chọn vì lúc này kẻ thù của nhân dân ta là phát xít Nhật đã suy yếu nghiêm trọng, chính phủ tay sai Trần Trọng Kim đã hoang mang rệu rã – thời cơ cách mạng đã chín muồi.

-C loại vì thời cơ cách mạng đang đến gần là sau khi Nhật đảo chính Pháp và ta tiến hành cao trào kháng Nhật cứu nước.

-D loại vì thời kì tiền khởi nghĩa đã bắt đầu từ Hội nghị TƯ lần thứ 8 đến trước khi nhật đảo chính Pháp.

Chọn B.

Câu 2 (VD):

Phương pháp: Phân tích các phương án.

Cách giải:

-A loại vì cuộc chiến tranh Đông Dương không có tính chất của cuộc Chiến tranh lạnh mà chỉ chịu tác động từ cuộc Chiến tranh lạnh.

-B loại vì năm 1950 thì Pháp là kẻ thù chính của nhân dân Đông Dương => nhân dân Đông Dương kháng chiến chống Pháp.

-C chọn vì Mĩ từng bước can thiệp sâu và dính líu trực tiếp vào chiến tranh Đông Dương chứng tỏ Mĩ sẽ thay thế Pháp tại chiến trường Đông Dương.

-D loại vì Mĩ muốn thay chân Pháp trong cuộc chiến tranh ở Đông Dương.

Chọn C.

Câu 3 (NB):

Phương pháp: SGK Lịch sử 12, trang 129.

Cách giải:

Nội dung cơ bản của bản Tạm ước Việt - Pháp (14-9-1946) là ta nhượng bộ thêm cho Pháp một Số quyền lợi kinh tế - văn hoá ở Việt Nam.

Chọn B.

Câu 4 (TH):

Phương pháp: SGK Lịch sử 12, trang 91 – 93, suy luận.

Cách giải:

Lực lượng tham gia phong trào cách mạng 1930-1931 chủ yếu là công nhân và nông dân.

Chọn C.

Câu 5 (TH):

Phương pháp: Dựa vào mục tiêu, nhiệm vụ của cuộc kháng chiến chống Pháp ở Hà Nội năm 1946 – 1947 để suy luận.

Cách giải: Mục tiêu, nhiệm vụ của ta trong cuộc kháng chiến chống Pháp tại Hà Nội là:

- Giam chân địch trong thành phố.
 - Bước đầu làm thất bại kế hoạch “đánh nhanh thắng nhanh” của thực dân Pháp.
 - Tạo điều kiện cho cả nước bước vào cuộc kháng chiến lâu dài.
- + Thành quả quan trọng nhất của những ngày toàn quốc kháng chiến chống Pháp ở Hà Nội là giam chân địch trong thành phố để ta chuẩn bị lực lượng kháng chiến.

Chọn C.

Câu 6 (VD):

Phương pháp: Phân tích các phương án.

Cách giải:

-**A loại** vì nhân dân ta có truyền thống yêu nước nhưng các phong trào đấu tranh trước khi Đảng ra đời đều thất bại.

-**B loại** vì Nhật đầu hàng Đồng minh là yếu tố khách quan không mang tính quyết định.

-**C chọn** vì sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương và quá trình chuẩn bị lực lượng trong 15 năm chính là nguyên nhân quan trọng nhất làm nên thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945. Điều này có thể thấy rõ khi so sánh với các quốc gia khác trong khu vực Đông Nam Á trong cùng bối cảnh là Nhật đầu hàng Đồng minh.

-**D loại** vì Cách mạng tháng Tám góp phần vào chiến thắng chủ nghĩa phát xít trong Chiến tranh thế giới thứ hai.

Chọn C.

Câu 7 (VDC):

Phương pháp:

Liên hệ kiến thức trong tác phẩm Đại tướng Võ Nguyên Giáp

- Tổng tập hồi ký, Nhà xuất bản QĐND, Hà Nội, 2011, tr.129-130.

Cách giải: “Dù phải hy sinh tới đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập”. là chỉ đạo của chủ tịch Hồ Chí Minh trong sự kiện Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945.

Chọn D.

Câu 8 (NB):

Phương pháp: SGK Lịch sử 12, trang 109.

Cách giải:

Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 8 (5/1941) có tầm quan trọng đặc biệt đối với Cách mạng tháng Tám 1945 vì hoàn chỉnh chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng Cộng sản Đông Dương.

Chọn C.

Câu 9 (VD):

Phương pháp: Dựa vào nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam giai đoạn 1951 - 1953 và giai đoạn 1946-1950 để so sánh.

Cách giải:

-A chọn vì từ năm 1951 trở đi, Mỹ can thiệp sâu vào cuộc chiến tranh ở Đông Dương nên kẻ thù được xác định trong giai đoạn 1951 – 1953 là chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ.

-B, C, D loại vì nội dung của các phương án này không phải là điểm mới trong xác định kẻ thù của cách mạng Việt Nam giai đoạn 1951 - 1953 so với giai đoạn 1946-1950.

Chọn A.

Câu 10 (TH):

Phương pháp: Suy luận, loại trừ phương án.

Cách giải:

-A loại vì ta lựa chọn kí Hiệp định Sơ bộ là giải pháp hòa để tiến và việc ký kết Hiệp định Sơ bộ mang lại lợi cho cả ta và Pháp nên việc nêu sự nhượng bộ như phương án này là chưa phù hợp.

-B loại vì Đảng và Chính phủ ta không thỏa hiệp.

C chọn vì với việc ký kết Hiệp định Sơ bộ, ta đã đuổi được 20 vạn quân Trung Hoa Dân quốc về nước, có thời gian chuẩn bị cho cuộc kháng chiến chống Pháp về sau. + thể hiện vai trò lãnh đạo sáng suốt của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh.

-D loại vì việc kí kết Hiệp định Sơ bộ không phải là hạn chế trong lãnh đạo của Đảng mà là 1 thắng lợi trong lãnh đạo của Đảng.

Chọn C.

Câu 11 (NB):

Phương pháp: SGK Lịch sử 12, trang 155.

Cách giải: Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương được ký kết (7 - 1954) đã kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp của dân tộc Việt Nam (1945 - 1954)

Chọn B.

Câu 12 (NB):

Phương pháp: SGK Lịch sử 12, trang 131.

Cách giải: Nội dung cơ bản của đường lối kháng chiến chống Pháp xâm lược (1945-1954) là toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh và tranh thủ ủng hộ quốc tế.

Chọn B.

Câu 13 (TH):

Phương pháp: Suy luận, loại trừ phương án.

Cách giải:

-A loại vì cách mạng tháng Tám diễn ra hài hòa ở cả nông thôn và thành thị.

-B, C loại vì ta kết hợp hài hòa cả đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang.

-D chọn vì quá trình tiến hành khởi nghĩa từng phần cho đến khi giành chính quyền trên cả nước đã sử dụng bạo lực của quần chúng để giành chính quyền.

Chọn D.

Câu 14 (NB):

Phương pháp: SGK Lịch sử 12, trang 91 – 93.

Cách giải: Đấu tranh đòi các quyền tự do, dân sinh, dân chủ không phải là hình thức đấu tranh của phong trào 1930 – 1931.

Chọn D.

Câu 15 (NB):

Phương pháp: SGK Lịch sử 12, trang 139.

Cách giải: Mĩ kí với Bảo Đại Hiệp ước hợp tác kinh tế Việt-Mĩ (9 - 1951) nhằm trực tiếp ràng buộc Chính phủ Bảo Đại vào Mĩ.

Chọn B.

Câu 16 (VD):

Phương pháp: Phân tích các phương án.

Cách giải:

-**A, D loại** vì nếu không có sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng thì dù có tinh thần đoàn kết hay truyền thống yêu nước cũng không thể vượt qua được những khó khăn mà nước ta phải đối mặt sau Cách mạng tháng Tám.

-**B loại** vì lúc này ta chưa nhận được sự ủng hộ của bạn bè quốc tế.

Chọn C.

Câu 17 (VD):

Phương pháp: Phân tích các phương án.

Cách giải:

-**A, B, C loại** vì nội dung của các phương án này đã phản ánh đúng bước phát triển cao hơn của chiến dịch Biên giới 1950 so với chiến dịch Việt Bắc 1947.

-**D chọn** vì Pháp buộc phải chuyển sang đánh lâu dài với ta từ sau chiến thắng của ta trong chiến dịch Việt Bắc.

Chọn D.

Câu 18 (NB):

Phương pháp: SGK Lịch sử 12, trang 99.

Cách giải: Nét nổi bật của tình hình kinh tế Việt Nam trong những năm 1936 - 1939 là kinh tế phục hồi và phát triển nhưng vẫn lạc hậu và lệ thuộc vào kinh tế Pháp.

Chọn B.

Câu 19 (VD):

Phương pháp: Phân tích các phương án.

Cách giải:

-**A, B loại** vì việc ký kết Hiệp định Sơ bộ thì cả ta và Pháp đều có lợi nên không thể nói đây là sự nhượng bộ của ta hay đó là thắng lợi của Pháp trên mặt trận ngoại giao.

-**C chọn** vì trên nguyên tắc là đảm bảo độc lập dân tộc và chủ quyền quốc gia thì ta đưa ra sách lược hòa để tiến, kí kết Hiệp định Sơ bộ với Pháp để đuổi 20 vạn quân Trung Hoa Dân quốc về nước và có thêm thời gian chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài về sau.

-**D loại** vì Chính phủ ta không thỏa hiệp.

Chọn C.

Câu 20 (TH):

Phương pháp: SGK Lịch sử 12, trang 154 – 155, suy luận.

Cách giải:

- Nội dung cơ bản nhất của Hiệp định Giơnevơ năm 1954 là các nước tham dự Hội nghị cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của ba nước Đông Dương.

- Nội dung của các phương án A, C, D cũng là nội dung của Hiệp định Giơnevơ nhưng không phải là nội dung cơ bản nhất do mục tiêu của cuộc kháng chiến chống Pháp là bảo vệ độc lập dân tộc và các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân ta cũng như nhân dân 2 nước Đông Dương còn lại.

Chọn B.

Câu 21 (TH):

Phương pháp: SGK Lịch sử 12, trang 130, suy luận.

Cách giải:

- Ngay sau khi kí với ta Hiệp định Sơ bộ (6/3/1946) và Tạm ước (14/9/1946), thực dân Pháp vẫn tiến hành các hoạt động để chuẩn bị xâm lược nước ta 1 lần nữa. Đỉnh điểm là việc chúng gửi tới hậu thư đòi ta giao quyền kiểm soát thủ đô và giải tán lực lượng tự vệ chiến đấu.

=> Nếu lúc này ta tiếp tục nhân nhượng thì ta sẽ mất nước.

- Trong “Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến” (19/12/1946), Hồ Chủ tịch đã nhấn mạnh “Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta đã nhân nhượng, nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới”. Nội dung câu nói trên đã lí giải nguyên nhân sâu xa dẫn tới cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp bùng nổ ngày 19/12/1946.

Chọn A.

Câu 22 (VD):

Phương pháp: Phân tích các phương án.

Cách giải:

-**A loại** vì cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân hoàn thành trong cả nước được đánh dấu với thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy năm 1975.

-**B loại** vì chế độ phong kiến Việt Nam hoàn toàn sụp đổ năm 1945.

-**C loại** vì ngay sau Hiệp định Giơ-ne-vơ, Mỹ lập nên chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm với âm mưu chia cắt lâu dài nước ta, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới, căn cứ quân sự của Mỹ ở Đông Dương và Đông Nam Á.

-**D chọn** vì sau Hiệp định Giơ-ne-vơ thì Pháp phải chấm dứt chiến tranh xâm lược, rút hết quân về nước.

Chọn D.

Câu 23 (VD):

Phương pháp: Dựa vào nội dung của Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng tháng 9/1939 và tháng 5/1941 để so sánh.

Cách giải:

-**A chọn** vì điểm tương đồng quan trọng nhất của hai hội nghị. Thể hiện đáp ứng yêu cầu cấp thiết của cách mạng lúc này là giải phóng dân tộc. Hội nghị tháng 11-1939 đánh dấu sự chuyển hướng bước đầu và hội nghị tháng 5-1941 hoàn chỉnh quá trình chuyển hướng đó.

-**B loại** vì thành lập chính phủ dân chủ cộng hoà thay cho chính quyền Xô viết chỉ thuộc nội dung của Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng tháng 9/1939.

-**C loại** vì là điểm chung nhưng không phải là điểm nổi bật nhất.

-**D loại** vì

+ Hội nghị tháng 11-1939 thay đổi tên mặt trận nhưng vẫn là của chung Đông Dương.

+ Hội nghị tháng 5-1941 thành lập Mặt trận đầu tiên của riêng Việt Nam.

Chọn A.

Câu 24 (VD):

Phương pháp: Phân tích các phương án.

Cách giải:

-**A, B, C loại** vì nội dung của các phương án này không phải là nguyên tắc cơ bản của Việt Nam trong việc kí kết Hiệp định Sơ bộ (6-3-1946) và Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương (21-7-1954).

-**D chọn** vì nguyên tắc cơ bản của Việt Nam trong việc kí kết Hiệp định Sơ bộ (6-3-1946) và Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương (21-7-1954) là không vi phạm chủ quyền dân tộc.

Chọn D.

Câu 25 (NB):

Phương pháp: SGK Lịch sử 12, trang 100.

Cách giải: Mở đầu là phong trào 1936 – 1939 là việc thành lập các Ủy ban hành động ở nhiều địa phương.

Chọn B.

Câu 26 (NB):

Phương pháp: SGK Lịch sử 12, trang 95.

Cách giải: Khối liên minh công-nông được hình thành (bước đầu) từ phong trào cách mạng 1930-1931.

Chọn A.

Câu 27 (NB):

Phương pháp: SGK Lịch sử 12, trang 136.

Cách giải: Vai trò của Mĩ trong cuộc chiến tranh Đông Dương được thể hiện qua kế hoạch Rơ-ve là Mĩ ngày càng can thiệp sâu vào cuộc chiến tranh ở Đông Dương.

Chọn C.

Câu 28 (NB):

Phương pháp: SGK Lịch sử 12, trang 154.

Cách giải: Hiệp định Giơnevơ là văn bản pháp lý quốc tế ghi nhận những quyền dân tộc cơ bản cho các nước Đông Dương bao gồm độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.

Chọn B.

Câu 29 (NB):

Phương pháp: SGK Lịch sử 12, trang 94.

Cách giải: Luận cương chính trị được thông qua tại Hội nghị lần thứ nhất Ban chấp hành Trung ương lâm thời Đảng Cộng sản Việt Nam (10/1930).

Chọn D.

Câu 30 (NB):

Phương pháp: SGK Lịch sử 12, trang 109.

Cách giải: Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (tháng 5/1941) xác định hình thái cuộc khởi nghĩa giành chính quyền nước ta là đi từ khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa.

Chọn A.

Câu 31 (NB):

Phương pháp: SGK Lịch sử 12, trang 102.

Cách giải: Qua phong trào 1936 - 1939, Đảng thấy được những hạn chế của mình về công tác mặt trận, vấn đề dân tộc.

Chọn D.

Câu 32 (NB):

Phương pháp: SGK Lịch sử 12, trang 134.

Cách giải: Chiến dịch Việt Bắc thu- đông năm 1947 của ta đã làm thất bại hoàn toàn âm mưu đánh nhanh thắng nhanh của Pháp.

Chọn C.

Câu 33 (TH):

Phương pháp: Dựa vào vai trò lãnh đạo của Đảng (SGK Lịch sử 12, trang 95) để giải thích.

Cách giải: Phong trào 1930 – 1931 là phong trào có tính thống nhất cao, phát triển rộng khắp đặt dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng. Đây là phong trào đầu tiên do Đảng trực tiếp lãnh đạo ngay sau khi được thành lập đầu năm 1930. Phong trào đã cho thấy trong thực tế đường lối đúng đắn của Đảng, quyền lãnh đạo của giai cấp công nhân đối với cách mạng Đông Dương.

Chọn A.

Câu 34 (NB):

Phương pháp: SGK Lịch sử 12, trang 150.

Cách giải: Bộ Chính trị Trung ương Đảng quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ nhằm tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng vùng Tây Bắc, tạo điều kiện giải phóng Bắc Lào.

Chọn B.

Câu 35 (VD):

Phương pháp: Dựa vào tình hình nước ta sau thành công của Cách mạng tháng Tám để phân tích

Cách giải: Khó khăn của nước ta sau Cách mạng tháng Tám 1945:

- Ngoại xâm và nội phản: Đây là kẻ thù nguy hiểm nhất vì chúng đều âm mưu phá chính quyền, chống phá cách mạng nước ta, đối lập lợi ích với nhân dân ta. Trong đó, ngoại xâm là vấn đề nguy hiểm hơn rất nhiều so với nội phản, nếu không có đường lối, phương pháp đấu tranh đúng đắn, linh hoạt, ta sẽ mất đi thành quả của CM tháng 8/1945 và bị biến thành nước mất độc lập như thời kì trước.

- Giặc đói, giặc dốt, khó khăn về tài chính: cũng là những khó khăn rất lớn của ta nhưng đây là những vấn đề khó khăn trong nước. Các vấn đề này không nguy hại như ngoại xâm và nội phản, Đảng và Chính phủ cùng nhân dân có thể giải quyết được.

Chọn A.

Câu 36 (TH):

Phương pháp: Dựa vào

-**A chọn** vì Nghệ - Tĩnh là nơi có truyền thống đấu tranh anh dũng chống giặc ngoại xâm và là nơi có chi bộ Đảng hoạt động mạnh.

-**B loại** vì nội dung của phương án này không phải là lí do phong trào cách mạng phát triển mạnh ở Nghệ - Tĩnh năm 1930.

-**C loại** vì sau khi phong trào diễn ra mạnh mẽ và thành lập được chính quyền Xô viết thì thực dân Pháp mới tiến hành khủng bố dã man.

D loại vì lúc này Đảng đã đổi tên thành Đảng Cộng sản Đông Dương. Bên cạnh đó cũng chưa có căn cứ để xác định Nghệ - Tĩnh là nơi có đội ngũ cán bộ đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam đồng nhất.

Chọn A.

Câu 37 (NB):

Phương pháp: SGK Lịch sử 12, trang 104.

Cách giải: Hội nghị lần 6 (11 - 1939) của Ban chấp hành Trung ương Đảng đã xác định nhiệm vụ hàng đầu trước mắt của cách mạng Đông Dương lúc này là đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu và cấp bách.

Chọn B.

Câu 38 (NB):

Phương pháp: SGK Lịch sử 12, trang 123 – 124.

Cách giải: Để giải quyết nạn đói trước mắt sau Cách mạng tháng Tám, Đảng Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kêu gọi nhân dân thực hiện nhường cơm sẻ áo, hũ gạo cứu đói.

Chọn D.

Câu 39 (NB):

Phương pháp: SGK Lịch sử 12, trang 139.

Cách giải: Mục tiêu cơ bản nhất trong kế hoạch Đà Lạt Sơ Tatxinh (1950) là mong muốn kết thúc cuộc chiến ở Đông Dương.

Chọn D.

Câu 40 (NB):

Phương pháp: SGK Lịch sử 12, trang 146.

Cách giải:

Bước vào Đông Xuân 1953 - 1954, âm mưu của Pháp - Mĩ ở Đông Dương là giành một thắng lợi quyết định để “kết thúc chiến tranh trong danh dự”.

Chọn D.